

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SXKD XNK DV&ĐT TÂN BÌNH  
(TANIMEX)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 1258 / BCQT-ĐT&DA

TP.HCM, ngày 30 tháng 10 năm 2015

## **BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Năm tài chính từ 01/10/2014 đến 30/09/2015**

**Kính gửi:**      - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
                         - Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

- **Tên công ty đại chúng:** CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
- **Địa chỉ trụ sở chính:** 325 (số cũ 89) Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Điện thoại:** (84-8) 38686381      **Fax:** (84-8) 38636584 - 38642060
- **Email:** [tanimex@tanimex.com.vn](mailto:tanimex@tanimex.com.vn)
- **Vốn điều lệ:** 240.000.000.000 đồng
- **Mã chứng khoán:** TIX

### **I. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

1. Bầu mới Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III ( từ tháng 1/2015 đến tháng 1/2020 ) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 tổ chức ngày 23 tháng 01 năm 2015
- Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên:
  1. Ông Nguyễn Minh Tâm: Chủ tịch HĐQT
  2. Ông Trần Quang Trường: Thành viên HĐQT
  3. Ông Huỳnh An Trung: Thành viên HĐQT
  4. Bà Vũ Thị Thanh Hồng: Thành viên HĐQT
  5. Ông Lê Trọng Lập: Thành viên HĐQT
- Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:
  1. Bà Lê Thị Thanh Phương: Trưởng BKS
  2. Bà Trần Thị Hạnh: Thành viên BKS
  3. Ông Võ Chí Thanh: Thành viên BKS
2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: bao gồm các cuộc họp tại trụ sở và các cuộc hội ý qua điện thoại, email điện tử, cụ thể như sau:
- Các cuộc họp từ 01/10/2014 đến 22/01/2015

| STT | Thành viên HĐQT       | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------------|------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Minh Tâm   | Chủ tịch   | 04/04               | 100%  |                     |
| 2   | Ông Lê Trọng Lập      | Thành viên | 04/04               | 100%  |                     |
| 3   | Ông Trần Quang Trường | Thành viên | 04/04               | 100%  |                     |
| 4   | Ông Võ Chí Thanh      | Thành viên | 04/04               | 100%  |                     |
| 5   | Bà Trần Thị Lan       | Thành viên | 04/04               | 100%  |                     |

- Các cuộc họp từ 22/01/2015 đến 30/9/2015

| STT | Thành viên HĐQT       | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------------|------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Minh Tâm   | Chủ tịch   | 03/03               | 100%  |                     |
| 2   | Ông Lê Trọng Lập      | Thành viên | 03/03               | 100%  |                     |
| 3   | Ông Trần Quang Trường | Thành viên | 03/03               | 100%  |                     |
| 4   | Ông Huỳnh An Trung    | Thành viên | 03/03               | 100%  |                     |
| 5   | Bà Vũ Thị Thanh Hồng  | Thành viên | 03/03               | 100%  |                     |

### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

- Giám sát công tác tổng kết báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2014; tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 23/01/2015.
- Giám sát công tác chi khen thưởng Tết nguyên đán và việc thực hiện các chế độ đối với người lao động, đảm bảo CBCNV có cái tết ấm no, chăm lo đời sống vật chất tinh thần để người lao động ngày càng gắn bó với công ty.
- Giao nhiệm vụ triển khai thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 23/01/2015, trong đó gồm các chỉ tiêu cơ bản như sau:

| STT | Chỉ tiêu                    | Kế hoạch 2014<br>( Triệu đồng ) |
|-----|-----------------------------|---------------------------------|
| 1   | <b>Tổng doanh số</b>        | <b>229,693</b>                  |
| 2   | Tổng chi phí                | 159,966                         |
| 3   | <b>Lợi nhuận trước thuế</b> | <b>69,727</b>                   |
| 4   | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>   | <b>55,113</b>                   |
| 5   | Cổ tức                      | 20%                             |

- Thực hiện tốt công tác công bố thông tin theo quy định, đảm bảo hoạt động công khai, minh bạch tạo niềm tin cho các nhà đầu tư.
- Hoàn thiện các quy chế hoạt động của công ty.

- Thực hiện quy chế trả lương mới, đảm bảo quyền lợi người lao động, tuân thủ pháp luật.
- Thúc đẩy, triển khai và hoàn thành đề đưa vào áp dụng đề án phần mềm quản trị toàn hệ thống công ty Tanimex nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong công tác quản trị.
- Giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2015 theo định hướng của HĐQT đã phê duyệt trong các nội dung:

✚ Đối với các dự án đang thực hiện:

✓ **Chung cư Tanibuilding Sơn Kỳ 1:**

- Tiến độ thi công xây dựng: đảm bảo kế hoạch đã đề ra, cụ thể: cuối quý 1/2016 sẽ bàn giao các căn hộ hai block A & B cho khách hàng; cuối quý 3/2016 tiếp tục bàn giao các căn hộ của 4 block C, D, E và F cho khách hàng.
- Công tác kinh doanh căn hộ: Đã ký hợp đồng mua bán căn hộ 472/502 căn hộ.

✓ **Các cụm kho xưởng:** Đã hoàn thành và đưa vào khai thác kinh doanh

- ✚ Đối với các dự án mới: Trên khai các thủ tục pháp lý liên quan đến việc xin chuyển đổi dự án Nhà lưu trú công nhân thành nhà ở xã hội để đầu tư hiệu quả hơn. Xúc tiến nhanh các thủ tục pháp lý của dự án Cụm chung cư KCN Tân Bình II.
- ✚ Tận dụng cơ hội thị trường tài chính đang có những tín hiệu thuận lợi để triển khai các kế hoạch đầu tư hợp lý.
- ✚ Quản lý và sử dụng nguồn vốn hiệu quả; công tác thu chi, hạch toán kế toán theo đúng chuẩn mực quy định.
- ✚ Công tác tài chính và công bố thông tin minh bạch, đúng quy định.
- ✚ Thực hiện chương trình tiết kiệm chi phí đối với toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh trong hệ thống.
- ✚ Công tác nhân sự, tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ đối với người lao động đúng quy định của pháp luật.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

## II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị :

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                            |
|-----|------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1   | 21/QĐ-HĐQT                   | 10/10/2014 | Quyết định đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục Trí Đức |
| 2   | 22/QĐ-HĐQT                   | 16/10/2014 | Quyết định chi lương hiệu quả kinh doanh năm 2014                   |
| 3   | 23/QĐ-HĐQT                   | 31/10/2014 | Quyết định cử cán bộ công tác nước ngoài                            |
| 4   | 24/QĐ-HĐQT                   | 20/11/2014 | Quyết định tạm ứng cổ tức đợt 2-2014                                |

|    |             |            |                                                                                    |
|----|-------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 5  | 25/QĐ-HĐQT  | 20/11/2014 | Quyết định thay đổi người đại diện vốn tại Công ty G.T                             |
| 6  | 26/QĐ-HĐQT  | 28/11/2014 | Quyết định thay đổi người đại diện vốn và cử kiểm soát viên tại Công ty Trí Đức    |
| 8  | 27/QĐ-HĐQT  | 28/11/2014 | Quyết định Thoái vốn tại Công ty Minh Phát                                         |
| 9  | 28/QĐ-HĐQT  | 28/11/2014 | Quyết định thay đổi chủ tịch tại Công ty Tanimedi                                  |
| 10 | 29/QĐ-HĐQT  | 28/11/2014 | Quyết định thoái vốn tại Công ty Taniservice                                       |
| 11 | 30/QĐ-HĐQT  | 28/11/2014 | Quyết định thoái vốn tại Công ty Tanicons                                          |
| 12 | 31/QĐ-HĐQT  | 17/12/2014 | Quyết định thay đổi người đại diện vốn và kiểm soát viên tại Công ty Tanicons      |
| 13 | 32/QĐ-HĐQT  | 17/12/2014 | Quyết định cử cán bộ kiểm soát tại Công ty G.T                                     |
| 14 | 33/QĐ-HĐQT  | 23/12/2014 | Quyết định thay đổi người đại diện vốn và kiểm soát viên tại Công ty Minh Phát     |
| 15 | 34/QĐ-HĐQT  | 23/12/2014 | Quyết định v/v giao nhiệm vụ quản lý vốn đầu tư ra bên ngoài                       |
| 16 | 35/QĐ-HĐQT  | 23/12/2014 | Quyết định thay đổi người đại diện vốn và cán bộ kiểm soát tại Công ty Taniservice |
| 17 | 36/QĐ-HĐQT  | 23/12/2014 | Quyết định mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty G.T                             |
| 18 | 37/QĐ-HĐQT  | 23/12/2014 | Quyết định ban hành quy chế tiền lương-khen thưởng - phúc lợi                      |
| 19 | 38/QĐ-HĐQT  | 28/12/2014 | Quyết định giảm chi phí lương năm 2015                                             |
| 20 | 01/QĐ-HĐQT  | 08/01/2015 | Quyết định chấm dứt đầu tư ra nước ngoài (dự án tại Hoa Kỳ )                       |
| 21 | 02/ QĐ-HĐQT | 15/4/2015  | Cử cán bộ đi công tác nước ngoài                                                   |
| 22 | 03/ QĐ-HĐQT | 20/5/2015  | Tạm ứng cổ tức đợt 1 -2015                                                         |
| 23 | 04/ QĐ-HĐQT | 02/6/2015  | Cử cán bộ đi công tác nước ngoài                                                   |
| 24 | 05/ QĐ-HĐQT | 17/8/2015  | Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Long An                                           |

**III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán:**

| Sst                                                                       | Tên tổ chức / cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|---------------------|--------------------|---------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|
| I/-Người có liên quan của cổ đông nội bộ là thành viên Hội đồng quản trị: |                       |                                          |                              |               |                     |                    |         |                                         |                                           |       |

|     |                                                       |  |                            |  |  |  |  |            |         |                                 |
|-----|-------------------------------------------------------|--|----------------------------|--|--|--|--|------------|---------|---------------------------------|
| 1   | Huỳnh An Trung                                        |  | Thành viên HĐQT            |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 | Bầu cử nhiệm kỳ III (2015-2020) |
| 1.1 | Huỳnh Văn Tài                                         |  | Cha                        |  |  |  |  |            |         | Đã mất                          |
| 1.2 | Trần Thị Phiêu                                        |  | Mẹ                         |  |  |  |  |            |         | Đã mất                          |
| 1.3 | Huỳnh Thị Yến Khanh                                   |  | Vợ                         |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |                                 |
| 1.4 | Huỳnh Song Gia Hân                                    |  | Con gái                    |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |                                 |
| 1.5 | Huỳnh Thanh Tùng                                      |  | Em                         |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |                                 |
| 1.6 | Huỳnh Thanh Trà                                       |  | Em                         |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |                                 |
| 1.7 | Công ty TNHH MTV XNK & ĐT CHỢ Lớn (Cholimex)          |  | TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |                                 |
| 1.8 | Công ty Cổ phần thực phẩm Cholimex                    |  | Đại diện vốn (Phó CT HĐQT) |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |                                 |
| 1.9 | Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Thủy sản Chợ Lớn |  | TV HĐQT                    |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |                                 |
| 2   | Vũ Thị Thanh Hồng                                     |  | Thành viên                 |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 | Bầu cử nhiệm kỳ III (2015-2020) |
| 2.1 | Vũ Đình Khôi                                          |  | Bố đẻ                      |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |                                 |
| 2.2 | Mai Thị Nữ                                            |  | Mẹ đẻ                      |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |                                 |
| 2.3 | Trần Đức Thảo                                         |  | Chồng                      |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |                                 |
| 2.4 | Trần Đức Mạnh                                         |  | Con trai                   |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |                                 |
| 2.5 | Trần Kim Ngân                                         |  | Con gái                    |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |                                 |
| 2.6 | Trần Bảo Ngọc                                         |  | Con gái                    |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |                                 |

|      |                              |  |          |  |  |  |  |            |         |  |
|------|------------------------------|--|----------|--|--|--|--|------------|---------|--|
| 2.7  | Vũ Thị Thanh Hải             |  | Chị ruột |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |
| 2.8  | Vũ Thị Thanh Mai             |  | Chị ruột |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |
| 2.9  | Vũ Hồng Vân                  |  | Em ruột  |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |
| 2.10 | Công ty CP ĐT Thương mại SMC |  | TV HĐQT  |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |

**II/-Người có liên quan của cổ đông nội bộ là thành viên Ban kiểm soát:**

|     |                   |  |        |  |  |  |  |            |         |  |
|-----|-------------------|--|--------|--|--|--|--|------------|---------|--|
| 3   | Trần Thị Hạnh     |  | TV BKS |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |
| 3.1 | Trần Văn Hằng     |  | Cha    |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |
| 3.2 | Nguyễn Thị Xê     |  | Mẹ     |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |
| 3.3 | Nguyễn Hồng Giang |  | Chồng  |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |
| 3.4 | Trần Thị Muồng    |  | Chị    |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |
| 3.5 | Trần Văn Cái      |  | Anh    |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |
| 3.6 | Trần Thị Chung    |  | Chị    |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |
| 3.7 | Trần Thị Trinh    |  | Chị    |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |
| 3.8 | Trần Văn Phúc     |  | Em     |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |
| 3.9 | Trần Văn Bằng     |  | Em     |  |  |  |  | 23/01/2015 | 01/2020 |  |

**IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan:**

**1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan:**

- Từ ngày 01/10/2014 – 22/01/2015:

| STT                   | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----------------------|----------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|---------------------|--------------------|---------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| <b>Cổ đông nội bộ</b> |                      |                                          |                              |               |                     |                    |         |                            |                               |         |
| 1                     | Nguyễn Minh Tâm      |                                          | Chủ tịch HĐQT                |               |                     |                    |         | 241.798                    | 1,01%                         |         |
| 2                     | Trần Quang Trường    |                                          | Thành viên HĐQT, TGĐ         |               |                     |                    |         | 0                          | 0,00%                         |         |
| 3                     | Lê Trọng Lập         |                                          | Thành viên HĐQT              |               |                     |                    |         | 0                          | 0,00%                         |         |

|                                                       |                                                          |  |                 |  |  |  |  |           |       |               |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--|-----------------|--|--|--|--|-----------|-------|---------------|
| 4                                                     | Trần Thị Lan                                             |  | Thành viên HDQT |  |  |  |  | 100.000   | 0,42% |               |
| 5                                                     | Võ Chí Thanh                                             |  | Thành viên HDQT |  |  |  |  | 70.400    | 0,29% |               |
| 6                                                     | Lê Thị Thanh Phương                                      |  | Trưởng BKS      |  |  |  |  | 0         | 0,00% |               |
| 7                                                     | Nguyễn Thị Minh Anh                                      |  | Thành viên BKS  |  |  |  |  | 25.380    | 0,11% |               |
| 8                                                     | Nguyễn Thị Thu Giang                                     |  | Thành viên BKS  |  |  |  |  | 14.000    | 0,06% |               |
| 9                                                     | Nguyễn Thị Hào                                           |  | Kế toán trưởng  |  |  |  |  | 13.482    | 0,06% |               |
| 10                                                    | La Ngọc Thông                                            |  | Phó TGD         |  |  |  |  | 0         | 0,00% |               |
| <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến cổ đông nội bộ</b> |                                                          |  |                 |  |  |  |  |           |       |               |
| <b>1</b>                                              | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Nguyễn Minh Tâm</b>   |  |                 |  |  |  |  |           |       |               |
| 1.1                                                   | Nguyễn Thị Xiêm                                          |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Vợ            |
| 1.2                                                   | Nguyễn Thụy Văn Khanh                                    |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con           |
| 1.3                                                   | Nguyễn Đình Minh Triết                                   |  |                 |  |  |  |  | 8         | 0,00% | Con           |
| 1.4                                                   | Nguyễn Trung Hiếu                                        |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con           |
| 1.5                                                   | Võ Tâm Thành                                             |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Cha (Đã mất)  |
| 1.6                                                   | Nguyễn Thị Thiệu                                         |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Mẹ (Đã mất)   |
| 1.7                                                   | Võ Văn Đường                                             |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Anh (Đã mất)  |
| 1.8                                                   | Võ Thị Hiệp                                              |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chị           |
| <b>2</b>                                              | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Trần Quang Trường</b> |  |                 |  |  |  |  |           |       |               |
| 2.1                                                   | Phan Bích Vân                                            |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Vợ            |
| 2.2                                                   | Trần Phan Khánh Linh                                     |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con           |
| 2.3                                                   | Trần Khiêm                                               |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Cha           |
| 2.4                                                   | Đoàn Thị Thiên Nga                                       |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Mẹ            |
| 2.5                                                   | Trần Quang Trung                                         |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em            |
| 2.6                                                   | Trần Phương Chính                                        |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em            |
| 2.7                                                   | Công ty CP SX DV Tân Bình Tanimex                        |  |                 |  |  |  |  | 1.800.000 | 7,50% | Chủ tịch HDQT |
| 2.8                                                   | Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Trần Phan                     |  |                 |  |  |  |  | 480.000   | 2,00% | Chủ tịch HDQT |
| <b>3</b>                                              |                                                          |  |                 |  |  |  |  |           |       |               |
| 3.1                                                   | Dương Ngọc Đào                                           |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Vợ            |
| 3.2                                                   | Lê Kim Ngân                                              |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con           |
| 3.3                                                   | Lê Trần Châu                                             |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con           |
| 3.4                                                   | Lê Văn Tám                                               |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Cha (Đã mất)  |
| 3.5                                                   | Nguyễn Thị Dờm                                           |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Mẹ            |
| 3.6                                                   | Lê Nho Nhã                                               |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chị (Đã mất)  |
| 3.7                                                   | Lê Bá Khâm                                               |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Anh           |
| 3.8                                                   | Lê Bạch Cúc                                              |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chị           |
| 3.9                                                   | Lê Hồng Thắm                                             |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0%    | Chị           |
| 3.10                                                  | Lê Hoàng Vũ                                              |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Anh           |
| 3.11                                                  | Công ty CP Kính Tân Bình                                 |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chủ tịch HDQT |
| 3.12                                                  | Công ty CP Xây dựng - Cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons) |  |                 |  |  |  |  | 340.000   | 1,42% | Chủ tịch HDQT |
| 3.13                                                  | Công ty Tanimedi                                         |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chủ tịch HDQT |
| <b>4</b>                                              | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Trần Thị Lan</b>      |  |                 |  |  |  |  |           |       |               |
| 4.1                                                   | Trần Văn Mến                                             |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Mẹ            |
| 4.2                                                   | Võ Thị Ngời                                              |  |                 |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Anh           |
| 4.3                                                   | Trần Văn Danh                                            |  |                 |  |  |  |  | 7.000     | 0,03% | Anh           |

|          |                                                                   |  |  |  |  |  |  |           |       |                    |
|----------|-------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|-----------|-------|--------------------|
| 4.4      | Trần Văn Anh                                                      |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| 4.5      | Trần Hồng Nguyệt                                                  |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| 4.6      | Trần Việt Hồng                                                    |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| 4.7      | Trần Thị Kim Cúc                                                  |  |  |  |  |  |  | 14.000    | 0,06% | Em                 |
| 4.8      | Trần Thanh Vũ                                                     |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| <b>5</b> | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Võ Chí Thanh</b>               |  |  |  |  |  |  |           |       |                    |
| 5.1      | Dương Văn Thủy                                                    |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Vợ                 |
| 5.2      | Võ Huyền Nga                                                      |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con                |
| 5.3      | Võ Xuân Thành                                                     |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| 5.4      | Võ Năm                                                            |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| 5.5      | Công ty CP ĐT<br>Du lịch Tân Thắng                                |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chủ tịch<br>HĐQT   |
| 5.6      | Công ty CP Xây<br>dựng - Cơ khí Tân<br>Bình Tanimex<br>(Tanicons) |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Thành viên<br>HĐQT |
| 5.7      | Công ty CP SX DV<br>Tân Bình Tanimex                              |  |  |  |  |  |  | 1.800.000 | 7,50% | Thành viên<br>HĐQT |
| <b>6</b> | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Lê Thị Thanh Phương</b>        |  |  |  |  |  |  |           |       |                    |
| 6.1      | Lê Văn An                                                         |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Cha                |
| 6.2      | Nguyễn Thị Sáu                                                    |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Mẹ                 |
| 6.3      | Lê Phương Thanh                                                   |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| 6.4      | Đặng Thanh Bình                                                   |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chồng              |
| 6.5      | Đặng Lê Phương<br>Minh                                            |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con                |
| 6.6      | Đặng Lê Minh<br>Khoa                                              |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con                |
| 6.7      | Đặng Lê Minh<br>Khôi                                              |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con                |
| <b>7</b> | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Nguyễn Thị Minh Anh</b>        |  |  |  |  |  |  |           |       |                    |
| 7.1      | Nguyễn Đình Sán                                                   |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chaa               |
| 7.2      | Nguyễn Thị Dy                                                     |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Mẹ                 |
| 7.3      | Phạm Ngọc Quý                                                     |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chồng              |
| 7.4      | Phạm Minh Quân                                                    |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con                |
| 7.5      | Phạm Minh Thúc                                                    |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con                |
| 7.6      | Phạm Minh Trí                                                     |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con                |
| 7.7      | Nguyễn Thị Trung                                                  |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chị                |
| 7.8      | Nguyễn Thị Minh<br>Tâm                                            |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chị                |
| 7.9      | Nguyễn Thị Kim<br>Khánh                                           |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chị                |
| 7.10     | Nguyễn Thị Hoàng<br>Yên                                           |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| <b>8</b> | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Nguyễn Thị Thu Giang</b>       |  |  |  |  |  |  |           |       |                    |
| 8.1      | Nguyễn Thế Đa                                                     |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Cha                |
| 8.2      | Nguyễn Thị Thu                                                    |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Mẹ<br>(Đã mất)     |
| 8.3      | Nguyễn Thị Tuyết                                                  |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chị                |
| 8.4      | Nguyễn Thị Hồng<br>Thủy                                           |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chị                |
| 8.5      | Nguyễn Thị Thu<br>Vân                                             |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| 8.6      | Nguyễn Vũ Kim<br>Khoa                                             |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| 8.7      | Nguyễn Vũ Kim<br>Khôi                                             |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| 8.8      | Nguyễn Thị Thu<br>Hằng                                            |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| 8.9      | Nguyễn Vũ Kim<br>Khương                                           |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| 8.10     | Nguyễn Vũ Kim<br>Khanh                                            |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| <b>9</b> | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Nguyễn Thị Hào</b>             |  |  |  |  |  |  |           |       |                    |
| 9.1      | Nguyễn Văn Cháp                                                   |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Cha                |
| 9.2      | Đỗ Thị Gái                                                        |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Mẹ                 |
| 9.3      | Cao Văn Đắc                                                       |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Chồng              |
| 9.4      | Cao Chí Nhân                                                      |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con                |
| 9.5      | Cao Trung Nghĩa                                                   |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Con                |
| 9.6      | Nguyễn Văn Chiêu                                                  |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| 9.7      | Nguyễn Văn Cương                                                  |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |
| 9.8      | Nguyễn Văn Cư                                                     |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00% | Em                 |

|                                                         |                                                          |  |  |  |  |  |  |        |       |                                           |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--------|-------|-------------------------------------------|
|                                                         | (Cole, Nguyen)                                           |  |  |  |  |  |  |        |       |                                           |
| 9.9                                                     | Nguyễn Văn Cử                                            |  |  |  |  |  |  | 42.000 | 0,18% | Em                                        |
| 9.10                                                    | Công ty CP Xây dựng - Cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons) |  |  |  |  |  |  | 0      | 0,00% | Đại diện phần vốn góp của Công ty Tanimex |
| <b>10 Người/ Tổ chức có liên quan đến La Ngọc Thông</b> |                                                          |  |  |  |  |  |  |        |       |                                           |
| 10.1                                                    | La Văn Quyền                                             |  |  |  |  |  |  | 0      | 0,00% | Cha                                       |
| 10.2                                                    | Nguyễn Thị Sáng                                          |  |  |  |  |  |  |        |       | Mẹ (đã mất)                               |
| 10.3                                                    | Trần Thị Trung Thu                                       |  |  |  |  |  |  | 0      | 0,00% | Vợ                                        |
| 10.4                                                    | La Ngọc Đan Thanh                                        |  |  |  |  |  |  | 0      | 0,00% | Con                                       |
| 10.5                                                    | La Nhật Minh                                             |  |  |  |  |  |  | 0      | 0,00% | Con                                       |
| 10.6                                                    | La Ngọc Lâm                                              |  |  |  |  |  |  | 0      | 0,00% | Anh                                       |
| 10.7                                                    | La Ngọc Sơn                                              |  |  |  |  |  |  | 0      | 0,00% | Anh                                       |
| 10.8                                                    | La Thị Ngọc Sang                                         |  |  |  |  |  |  | 0      | 0,00% | Em                                        |
| 10.9                                                    | La Thị Ngọc Giàu                                         |  |  |  |  |  |  | 0      | 0,00% | Em                                        |
| 10.10                                                   | La Ngọc Tuấn                                             |  |  |  |  |  |  |        |       | Em (đã mất)                               |
| 10.11                                                   | La Ngọc Hiệp                                             |  |  |  |  |  |  | 0      | 0,00% | Em                                        |
| 10.12                                                   | La Thị Mỹ Ngọc                                           |  |  |  |  |  |  | 0      | 0,00% | Em                                        |
| 10.13                                                   | La Ngọc Triệu                                            |  |  |  |  |  |  | 0      | 0,00% | Em                                        |

• **Từ ngày 23/01/2015 – 30/10/2015:**

| STT                                                   | Tên tổ chức/ cá nhân                                   | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|---------------------|--------------------|---------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| <b>Cổ đông nội bộ</b>                                 |                                                        |                                          |                              |               |                     |                    |         |                            |                               |         |
| 1                                                     | Nguyễn Minh Tâm                                        |                                          | Chủ tịch HĐQT                |               |                     |                    |         | 241.798                    | 1,01%                         |         |
| 2                                                     | Lê Trọng Lập                                           |                                          | Thành viên HĐQT              |               |                     |                    |         | 0                          | 0,00%                         |         |
| 3                                                     | Trần Quang Trường                                      |                                          | Thành viên HĐQT, TGD         |               |                     |                    |         | 0                          | 0,00%                         |         |
| 4                                                     | Huỳnh An Trung                                         |                                          | Thành viên HĐQT              |               |                     |                    |         | 0                          | 0,00%                         |         |
| 5                                                     | Vũ Thị Thanh Hồng                                      |                                          | Thành viên HĐQT              |               |                     |                    |         | 0                          | 0,00%                         |         |
| 6                                                     | Lê Thị Thanh Phương                                    |                                          | Trưởng BKS                   |               |                     |                    |         | 0                          | 0,00%                         |         |
| 7                                                     | Võ Chí Thanh                                           |                                          | Thành viên BKS               |               |                     |                    |         | 70.400                     | 0,29%                         |         |
| 8                                                     | Trần Thị Hạnh                                          |                                          | Thành viên BKS               |               |                     |                    |         | 0                          | 0,00%                         |         |
| 9                                                     | Nguyễn Thị Hào                                         |                                          | Kế toán trưởng               |               |                     |                    |         | 13.482                     | 0,06%                         |         |
| 10                                                    | La Ngọc Thông                                          |                                          | Phó TGD                      |               |                     |                    |         | 0                          | 0,00%                         |         |
| <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến cổ đông nội bộ</b> |                                                        |                                          |                              |               |                     |                    |         |                            |                               |         |
| 1                                                     | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Nguyễn Minh Tâm</b> |                                          |                              |               |                     |                    |         |                            |                               |         |

|          |                                                          |  |  |  |  |  |  |           |        |                 |
|----------|----------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|-----------|--------|-----------------|
| 1.1      | Nguyễn Thị Xiêm                                          |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Vợ              |
| 1.2      | Nguyễn Thụy Vân Khanh                                    |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Con             |
| 1.3      | Nguyễn Đình Minh Triết                                   |  |  |  |  |  |  | 8         | 0,00%  | Con             |
| 1.4      | Nguyễn Trung Hiếu                                        |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Con             |
| 1.5      | Võ Tâm Thành                                             |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Cha<br>(Đã mất) |
| 1.6      | Nguyễn Thị Thiệu                                         |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Mẹ<br>(Đã mất)  |
| 1.7      | Võ Văn Đường                                             |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Anh<br>(Đã mất) |
| 1.8      | Võ Thị Hiệp                                              |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Chị             |
| <b>2</b> | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Trần Quang Trường</b> |  |  |  |  |  |  |           |        |                 |
| 2.1      | Phan Bích Vân                                            |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Vợ              |
| 2.2      | Trần Phan Khánh Linh                                     |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Con             |
| 2.3      | Trần Khiêm                                               |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Cha             |
| 2.4      | Đoàn Thị Thiên Nga                                       |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Mẹ              |
| 2.5      | Trần Quang Trung                                         |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Em              |
| 2.6      | Trần Phương Chính                                        |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Em              |
| 2.7      | Công ty CP SX DV Tân Bình Tanimex                        |  |  |  |  |  |  | 2.400.000 | 10,00% | Chủ tịch HĐQT   |
| 2.8      | Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Trần Phan                     |  |  |  |  |  |  | 720.000   | 3,00%  | Chủ tịch HĐQT   |
| <b>3</b> | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Lê Trọng Lập</b>      |  |  |  |  |  |  |           |        |                 |
| 3.1      | Dương Ngọc Đào                                           |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Vợ              |
| 3.2      | Lê Kim Ngân                                              |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Con             |
| 3.3      | Lê Trần Châu                                             |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Con             |
| 3.4      | Lê Văn Tám                                               |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Cha<br>(Đã mất) |
| 3.5      | Nguyễn Thị Dờm                                           |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Mẹ              |
| 3.6      | Lê Nho Nhã                                               |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Chị<br>(Đã mất) |
| 3.7      | Lê Bá Khâm                                               |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Anh             |
| 3.8      | Lê Bạch Cúc                                              |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Chị             |
| 3.9      | Lê Hồng Thắm                                             |  |  |  |  |  |  | 0         | 0%     | Chị             |

|          |                                                            |  |  |  |  |  |  |           |        |                            |
|----------|------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|-----------|--------|----------------------------|
| 3.10     | Lê Hoàng Vũ                                                |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Anh                        |
| 3.11     | Công ty CP Kính Tân Bình                                   |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Chủ tịch HĐQT              |
| 3.12     | Công ty CP Xây dựng - Cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)   |  |  |  |  |  |  | 340.000   | 1,42%  | Chủ tịch HĐQT              |
| <b>4</b> | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Huỳnh An Trung</b>      |  |  |  |  |  |  |           |        |                            |
| 4.1      | Huỳnh Văn Tài                                              |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Cha                        |
| 4.2      | Trần Thị Phiêu                                             |  |  |  |  |  |  | 0         | 0%     | Mẹ                         |
| 4.3      | Huỳnh Thị Yến Khanh                                        |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Vợ                         |
| 4.4      | Huỳnh Song Gia Hân                                         |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Con gái                    |
| 4.5      | Huỳnh Thanh Tùng                                           |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Em                         |
| 4.6      | Huỳnh Thanh Trà                                            |  |  |  |  |  |  | 0         | 0%     | Em                         |
| 4.7      | Công ty TNHH MTV XNK & ĐT Chợ Lớn (Cholimex)               |  |  |  |  |  |  | 4,622,002 | 19.3%  | TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc |
| 4.8      | Công ty Cổ phần thực phẩm Cholimex                         |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Đại diện vốn (Phó CT HĐQT) |
| 4.9      | Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Thủy sản Chợ Lớn      |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | TV HĐQT                    |
| <b>5</b> | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Vũ Thị Thanh Hồng</b>   |  |  |  |  |  |  |           |        |                            |
| 5.1      | Vũ Đình Khôi                                               |  |  |  |  |  |  | 17.950    | 0.075% | Bố đẻ                      |
| 5.2      | Mai Thị Nữ                                                 |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Mẹ đẻ                      |
| 5.3      | Trần Đức Thảo                                              |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Chồng                      |
| 5.4      | Trần Đức Mạnh                                              |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Con trai                   |
| 5.5      | Trần Kim Ngân                                              |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Con gái                    |
| 5.6      | Trần Bảo Ngọc                                              |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Con gái                    |
| 5.7      | Vũ Thị Thanh Hải                                           |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Chị ruột                   |
| 5.8      | Vũ Thị Thanh Mai                                           |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Chị ruột                   |
| 5.9      | Vũ Hồng Vân                                                |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | Em ruột                    |
| 5.10     | Công ty CP ĐT Thương mại SMC                               |  |  |  |  |  |  | 0         | 0,00%  | TV HĐQT                    |
| <b>6</b> | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Lê Thị Thanh Phương</b> |  |  |  |  |  |  |           |        |                            |

|     |                                                                   |  |  |  |  |  |  |   |       |                    |
|-----|-------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|---|-------|--------------------|
| 6.1 | Lê Văn An                                                         |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Cha                |
| 6.2 | Nguyễn Thị Sáu                                                    |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Mẹ                 |
| 6.3 | Lê Phương Thanh                                                   |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Em                 |
| 6.4 | Đặng Thanh Bình                                                   |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Chồng              |
| 6.5 | Đặng Lê Phương Minh                                               |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Con                |
| 6.6 | Đặng Lê Minh Khoa                                                 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Con                |
| 6.7 | Đặng Lê Minh Khôi                                                 |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Con                |
| 7   | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Võ Chí Thanh</b>               |  |  |  |  |  |  |   |       |                    |
| 7.1 | Dương Văn Thủy                                                    |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Vợ                 |
| 7.2 | Võ Huyền Nga                                                      |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Con                |
| 7.3 | Võ Xuân Thành                                                     |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Em                 |
| 7.4 | Võ Năm                                                            |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Em                 |
| 7.5 | Công ty CP ĐT<br>Du lịch Tân Thắng                                |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Chủ tịch<br>HĐQT   |
| 7.6 | Công ty CP Xây<br>dựng - Cơ khí Tân<br>Bình Tanimex<br>(Tanicons) |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Thành viên<br>HĐQT |
| 8   | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Trần Thị Hạnh</b>              |  |  |  |  |  |  |   |       |                    |
| 8.1 | Trần Văn Hằng                                                     |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Cha                |
| 8.2 | Nguyễn Thị Xê                                                     |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Mẹ                 |
| 8.3 | Nguyễn Hồng<br>Giang                                              |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Chồng              |
| 8.4 | Trần Thị Muồng                                                    |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Chị                |
| 8.5 | Trần Văn Cái                                                      |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Anh                |
| 8.6 | Trần Thị Chung                                                    |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Chị                |
| 8.7 | Trần Thị Trinh                                                    |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Chị                |
| 8.8 | Trần Văn Phúc                                                     |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Em                 |
| 8.9 | Trần Văn Bằng                                                     |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Em                 |
| 9   | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến Nguyễn Thị Hào</b>             |  |  |  |  |  |  |   |       |                    |
| 9.1 | Nguyễn Văn Cháp                                                   |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Cha                |
| 9.2 | Đỗ Thị Gái                                                        |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Mẹ                 |
| 9.3 | Cao Văn Đắc                                                       |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Chồng              |
| 9.4 | Cao Chí Nhân                                                      |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Con                |
| 9.5 | Cao Trung Nghĩa                                                   |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Con                |
| 9.6 | Nguyễn Văn Chiếu                                                  |  |  |  |  |  |  | 0 | 0,00% | Em                 |

|           |                                                      |  |  |  |  |  |  |         |       |             |
|-----------|------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|---------|-------|-------------|
| 9.7       | Nguyễn Văn Cương                                     |  |  |  |  |  |  | 0       | 0,00% | Em          |
| 9.8       | Nguyễn Văn Cừ<br>(Cole. Nguyen)                      |  |  |  |  |  |  | 0       | 0,00% | Em          |
| 9.9       | Nguyễn Văn Cừ                                        |  |  |  |  |  |  | 42.000  | 0,18% | Em          |
| <b>10</b> | <b>Người/ Tổ chức có liên quan đến La Ngọc Thông</b> |  |  |  |  |  |  |         |       |             |
| 10.1      | La Văn Quyền                                         |  |  |  |  |  |  | 0       | 0,00% | Cha         |
| 10.2      | Nguyễn Thị Sáng                                      |  |  |  |  |  |  |         |       | Mẹ (đã mất) |
| 10.3      | Trần Thị Trung Thu                                   |  |  |  |  |  |  | 100.000 | 0,42% | Vợ          |
| 10.4      | La Ngọc Đan Thanh                                    |  |  |  |  |  |  | 0       | 0,00% | Con         |
| 10.5      | La Nhật Minh                                         |  |  |  |  |  |  | 0       | 0,00% | Con         |
| 10.6      | La Ngọc Lâm                                          |  |  |  |  |  |  | 0       | 0,00% | Anh         |
| 10.7      | La Ngọc Sơn                                          |  |  |  |  |  |  | 0       | 0,00% | Anh         |
| 10.8      | La Thị Ngọc Sang                                     |  |  |  |  |  |  | 0       | 0,00% | Em          |
| 10.9      | La Thị Ngọc Giàu                                     |  |  |  |  |  |  | 0       | 0,00% | Em          |
| 10.10     | La Ngọc Tuấn                                         |  |  |  |  |  |  |         |       | Em (đã mất) |
| 10.11     | La Ngọc Hiệp                                         |  |  |  |  |  |  | 0       | 0,00% | Em          |
| 10.12     | La Thị Mỹ Ngọc                                       |  |  |  |  |  |  | 0       | 0,00% | Em          |
| 10.13     | La Ngọc Triệu                                        |  |  |  |  |  |  | 0       | 0,00% | Em          |

## 2. Giao dịch cổ phiếu:

| Stt | Người thực hiện giao dịch                       | Quan hệ với cổ đông nội bộ                                                    | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                                                 |                                                                               | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
| 1   | Công ty Cp SX Dv Tân Bình Tanimex (Taniservice) | Công ty có liên quan đến Ông Trần Quang Trường - TV HĐQT, TGĐ Công ty Tanimex | 1.860.710                 | 7,75% | 1.795.000                  | 7,48% | Bán cổ phiếu ngày 24/9 - 23/10/2014                |
| 2   | Công ty Cp SX Dv Tân Bình Tanimex (Taniservice) | Công ty có liên quan đến Ông Trần Quang Trường - TV HĐQT, TGĐ Công ty Tanimex | 1.795.000                 | 7,48% | 1.800.000                  | 7,50% | Mua cổ phiếu từ ngày 04/12 → 11/12/2014            |
| 3   | Công ty Cp SX Dv Tân Bình Tanimex (Taniservice) | Công ty có liên quan đến Ông Trần Quang Trường - TV HĐQT, TGĐ Công ty Tanimex | 1.800.000                 | 7,50% | 2.140.000                  | 8,92% | Mua cổ phiếu từ ngày 13/4/2015 → 12/5/2015         |
| 4   | Công ty TNHH TV ĐT Trần Phan                    | Công ty có liên quan đến Ông Trần Quang Trường - TV HĐQT, TGĐ Công ty Tanimex | 480.000                   | 2,00% | 600.000                    | 2,50% | Mua cổ phiếu ngày 11/5/2015                        |

|   |                                                 |                                                                               |           |       |           |        |                                            |
|---|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------|-----------|--------|--------------------------------------------|
| 5 | Bà Trần Thị Trung Thu                           | Vợ Ông La Ngọc Thông – Phó Tổng Giám đốc                                      | 0         | 0%    | 100.000   | 0,42%  | Mua cổ phiếu từ ngày 06/5/2015 → 27/5/2015 |
| 6 | Công ty Cp SX Dv Tân Bình Tanimex (Taniservice) | Công ty có liên quan đến Ông Trần Quang Trường - TV HĐQT, TGĐ Công ty Tanimex | 2.140.000 | 8,92% | 2.400.000 | 10,00% | Mua cổ phiếu ngày 24/9/2015                |
| 7 | Công ty TNHH TV ĐT Trần Phan                    | Công ty có liên quan đến Ông Trần Quang Trường - TV HĐQT, TGĐ Công ty Tanimex | 600.000   | 2,50% | 720.000   | 3,00%  | Mua cổ phiếu ngày 24/9/2015                |

**3. Các giao dịch khác:** (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty):

| Stt | Người thực hiện giao dịch         | Liên quan với chính công ty | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |        | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)  |
|-----|-----------------------------------|-----------------------------|---------------------------|--------|----------------------------|-------|-----------------------------------------------------|
|     |                                   |                             | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ  | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                     |
| 1   | Mutual Fund Elite (Non-UCITS)     | Cổ đông lớn                 | 1.714.400                 | 7,14%  | 1.614.400                  | 6,73% | Giảm sở hữu (không rõ nguyên nhân do không báo cáo) |
| 2   | Mutual Fund Elite (Non-UCITS)     | Cổ đông lớn                 | 1.614.550                 | 6,73%  | 2.214.400                  | 9,23% | Mua cổ phiếu ngày 16/01/2015                        |
| 3   | Coastal Pacific Limited           | Cổ đông lớn                 | 2.400.000                 | 10,00% | 1.900.000                  | 7,92% | Bán cổ phiếu ngày 16/01/2015                        |
| 4   | Coastal Pacific Limited           | Cổ đông lớn                 | 1.900.000                 | 7,92%  | 0                          | 0%    | Bán cổ phiếu ngày 15/4/2015                         |
| 5   | Ông Lê Trọng Lập                  | Thành viên HĐQT             | 0                         | 0%     | 200.000                    | 0,83% | Mua cổ phiếu từ ngày 14/4/2015 → 13/5/2015          |
| 6   | Công ty CP Đầu tư và PT Minh Phát | Cổ đông lớn                 | 1.200.000                 | 5,00%  | 1.440.000                  | 6,00% | Mua cổ phiếu ngày 23/9/2015                         |

**V. Các vấn đề cần lưu ý khác:** không có

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: HC, ĐT&DA, AN-06

**CÔNG TY TANIMEX**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

TRẦN QUANG TRƯỜNG